

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02-4-2025

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Nguyễn Phú Hữu

Ông Nguyễn Hồng Thơ

- **Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 104/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Phạm Thu V, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Trịnh Hoàng N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ F, Ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị V có mặt, anh N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn Phạm Thu V trình bày:

Về hôn nhân: Vào khoảng năm 2014, chị và anh Trịnh Hoàng N cưới nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn, cuộc hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu. Trong quá trình chung sống, chị và anh Trịnh Hoàng N có hai đứa con chung là cháu Phạm Tấn Đ, sinh ngày: 18/06/2015 và cháu Phạm Phúc H, sinh ngày: 26/04/2022. Trong

quá trình chung sống với nhau ban đầu rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây chị và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, không hòa hợp trong cuộc sống. Chị và anh N đã sống ly thân từ khoảng tháng 10/2024, khoảng thời gian sống ly thân anh chị đã được gia đình hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn với nhau được nữa. Nay, chị yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh Trịnh Hoàng N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh N có hai đứa con chung là cháu Phạm Tấn Đ, sinh ngày: 18/06/2015 và cháu Phạm Phúc H, sinh ngày: 26/04/2022. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu nào khác, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Anh Trịnh Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa và có văn bản trình bày ý kiến thống nhất với lời trình bày của chị V về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay chị V yêu cầu ly hôn anh đồng ý; về con chung anh thống nhất theo yêu cầu của chị V về hai con chung. Tuy nhiên, khi ly hôn anh đồng ý giao con chung Phạm Tấn Đ cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Phúc H. Không yêu cầu về cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu tòa án giải quyết và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn Trịnh Hoàng N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trịnh Hoàng N là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã ra Thông báo về việc vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm với lý do có tiến hành lấy lời khai bị đơn. Tuy nhiên, Thông báo số 38/TB-VKS-HNGĐ ngày 26/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh có nội dung không cần thiết tham gia phiên tòa và đề nghị

Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử mà không có sự tham gia của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn chị Phạm Thu V yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung với anh Trịnh Hoàng N, như vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Điều 51, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn, nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn anh Trịnh Hoàng N có địa chỉ tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thu V và anh Trịnh Hoàng N chung sống với nhau từ năm 2014 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Như vậy, theo quy định pháp luật thì hôn nhân giữa chị V và anh N không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này”. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Thu V và anh Trịnh Hoàng N là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thu V và anh Trịnh Hoàng N có hai con chung là Phạm Tấn Đ, sinh ngày: 18/06/2015 và cháu Phạm Phúc H, sinh ngày: 26/04/2022. Hiện nay, hai con chung đang sống cùng chị N tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N thống nhất lời trình bày của chị V về hai con chung. Anh và chị Phạm Thu V có hai con chung là Phạm Tấn Đ, sinh ngày: 18/06/2015 và cháu Phạm Phúc H, sinh ngày: 26/04/2022. Hiện nay, hai con chung đang sống cùng chị N tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, khi ly hôn anh chỉ đồng ý giao con chung Phạm Tấn Đ cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Phúc H.

Hội đồng xét xử xét thấy, con chung Phạm Tấn Đ sinh ngày: 18/06/2015, cả chị V và anh N đều thống nhất giao cho chị V nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của chị V. Đối với con chung Phạm Phúc H, sinh ngày 26/04/2022, hiện nay dưới 36 tháng tuổi, từ khi chị V và anh N không sống chung đến nay con chung đều sống chung và gần gũi với chị V ổn định thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, tiếp tục giao con chung Phạm Phúc H, sinh ngày 26/04/2022 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thu V phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trịnh Hoàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thu V và anh Trịnh Hoàng N là vợ chồng.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thu V. Chị Phạm Thu V và anh Trịnh Hoàng N có hai con chung là Phạm Tấn Đ, sinh ngày 18/06/2015 và cháu Phạm Phúc H, sinh ngày 26/04/2022. Sau khi chị Phạm Thu V và anh Trịnh Hoàng N ly hôn, giao hai con chung Phạm Tấn Đ, sinh ngày 18/06/2015 và cháu Phạm Phúc H, sinh ngày 26/04/2022 cho chị Phạm Thu V trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, hai con chung đang sống cùng chị N tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thu V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007160 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Phạm Thu V đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con.

Anh Trịnh Hoàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con.

Chị Phạm Thu V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trịnh Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Thanh Thảo

